TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST Ngày: 15-8-2025 V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng"	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Hoàn;

- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp I, xã M, tỉnh Đồng Tháp. (Trước đây là: Ấp I, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp I, xã M, tỉnh Đồng Tháp. (Trước đây là: Ấp I, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Nguyễn Ngọc H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thành N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian quen nhau khoảng hơn 01 năm thì tổ chức đám cưới cuối năm 2018. Hai bên đăng ký kết hôn ngày 21-11-2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, anh N sống cùng gia đình chị, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 2-2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh N thường xuyên đi nhậu, đi làm

có tiền nhưng ít khi phụ chị chăm sóc con. Anh N đi chơi đêm, chị có khuyên nhưng không nghe nên chị nói nếu tiếp tục đi thì vợ chồng ly hôn. Sau đó, anh N vẫn tiếp tục đi và từ ngày mùng 1 tết năm 2024 đến nay đi luôn không về nhà chị nữa. Chị có chở con về bên gia đình anh N vài lần, trong thời gian đó hai bên cũng không có biện pháp gì hàn gắng, anh N cũng không liên lạc với chị, không về thăm chị và con, cũng không chu cấp để chị nuôi con. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Khánh Q, sinh ngày 02-8-2019. Từ khi sinh con ra đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu chuẩn bị vào học lớp 1. Do đó, nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Mỗi tháng tiền ăn uống, sữa, sách vở, quần áo khoảng 4.000.000 đồng nên chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng từ khi án có hiệu lực cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Nguyễn Thành N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Thành N và chị Nguyễn Ngọc H tranh chấp về ly hôn; anh N cư trú tại ấp I, xã M, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

[2] Nguyên đơn, chị Nguyễn Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Nguyễn Thành N không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh N, chị H.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Thành N và chị Nguyễn Ngọc H là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã M, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 21-11-2018. Theo chị H, chị và anh N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi cưới vợ

chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh N thường xuyên đi nhậu, đi làm có tiền nhưng ít khi phụ chị chăm sóc con. Ngoài ra, anh N còn đi chơi vào ban đêm, chị có khuyên nhưng anh N không thay đổi. Từ ngày mùng 1 tết Nguyên Đán năm 2024 đến nay, anh N đi không trở về nhà chị nữa và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian này, hai bên không có biện pháp gì hàn gắng, anh N không quan tâm gì đến chị và con. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn do chị H nêu, nhưng anh N không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Anh N cũng không đến Tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó đã cho thấy anh N không còn quan tâm đến hôn nhân với chị H. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"* và *"vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh N và chị H đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Theo lời trình bày của chị H, chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh Q, sinh ngày 02-8-2019. Hiện cháu Q đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chuẩn bị vào học lớp 1. Do đó, nay chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Mỗi tháng tiền ăn uống, sữa, sách vở, quần áo cho cháu Q khoảng 4.000.000 đồng nên chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ khi án có hiệu lực cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi lao động được. Anh N không có ý kiến gì phản đối yêu cầu của chị H. Xét việc nuôi dưỡng cháu Q hiện nay do chị H là người trực tiếp thực hiện, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết tiếp tục giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp, mức yêu cầu cấp dưỡng mà chị H nêu là phù hợp với chi phí thực tế để nuôi con và mức lương tối thiểu vùng nơi anh N sinh sống nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh N đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết sau bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí ly hôn, anh N phải chịu án phí về cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H.

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

- Về con chung:

+ Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh Q, sinh ngày 02-8-2019 cho chị Nguyễn Ngọc H là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

+ Anh Nguyễn Thành N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Ngọc H mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, thực hiện nghĩa vụ từ khi án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

+ Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

+ Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003352 ngày 06-5-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên xem như đã thi hành xong.

+ Anh Nguyễn Thành N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc H, anh Nguyễn Thành N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã MT, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực